

Số: 05 /2020/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành giá dịch vụ thoát nước
trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 28 /TTr-SXD ngày 13 tháng 03 năm 2020 về việc đề nghị ban hành giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu từ năm 2020 đến năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến xả nước thải vào hệ thống thoát nước (sau đây gọi chung là hộ thoát nước) trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Hộ thoát nước đã nộp tiền dịch vụ thoát nước theo Quyết định này thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 3. Quy định hộ thoát nước

1. Hộ gia đình là hộ thoát nước theo đơn vị gia đình, bao gồm:

a) Nhà ở riêng lẻ;

- b) Nhà ở chung cư.
2. Cơ sở sản xuất, bao gồm:
- a) Khu Công nghiệp, cụm công nghiệp;
- b) Đơn vị, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công;
- c) Nhà máy, xí nghiệp;
- d) Công trường xây dựng.
3. Cơ sở kinh doanh dịch vụ, bao gồm:
- a) Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, cửa hàng kinh doanh ăn uống, giải khát;
- b) Cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt ủi, các khu vui chơi;
- c) Chợ, siêu thị, cửa hàng thương mại;
- d) Văn phòng đại diện;
- đ) Bệnh viện tư nhân, trường học tư thục;
- e) Hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.
4. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, bao gồm:
- a) Bệnh viện, trường học công lập;
- b) Các đơn vị lực lượng vũ trang;
- c) Các cơ quan, đoàn thể;
- d) Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác.

Điều 4. Giá dịch vụ thoát nước

STT	Đối tượng sử dụng dịch vụ thoát nước (gọi là hộ thoát nước)	Mức thu, lộ trình thu tiền dịch vụ, Đồng/m ³ (chưa bao gồm thuế VAT)				
		Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Hộ gia đình	1.352	1.690	2.197	2.856	3.856
2	Cơ sở sản xuất	2.704	3.380	4.394	5.712	7.712
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ	3.380	4.225	5.493	7.140	9.640
4	Cơ quan hành chính, Đơn vị sự nghiệp	1.352	1.690	2.197	2.856	3.856

Điều 5. Xác định khối lượng nước thải

1. Đối với Hộ gia đình; Cơ quan hành chính, Đơn vị sự nghiệp:
- a) Trường hợp sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;
- b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được xác định căn cứ theo lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người, áp dụng mức khoán là 5m³/người/tháng theo Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Đối với Cơ sở sản xuất; Cơ sở kinh doanh dịch vụ:

Xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, cụ thể như sau:

a) Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước;

b) Trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hộ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước được quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

Điều 6. Thu tiền dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Đơn vị thu tiền dịch vụ thoát nước là Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu (Đơn vị cấp nước).

2. Đối với các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung: Đơn vị thu tiền dịch vụ thoát nước là Trung tâm Quản lý các khu xử lý chất thải thuộc Sở Xây dựng.

3. Đơn vị thu tiền dịch vụ thoát nước có trách nhiệm thu tiền dịch vụ thoát nước theo giá quy định tại Điều 4, xác định khối lượng nước thải theo quy định tại Điều 5 Quyết định này, nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2020.

2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu, Giám đốc Trung tâm Quản lý các khu xử lý chất thải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra);
- TT Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH, SXD (6).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc